UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ NGỌC KỲ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/QĐ-UBND	*Ngọc Kỳ, ngày 20 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ NGỌC KỲ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND xã ngày 06 tháng 01 năm 2023 của HĐND xã khóa XXV, kỳ họp thứ 5 về dự kiến phân bổ ngân sách xã năm 2023;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 *(theo các biểu đính kèm Quyết định này)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND& HĐND xã; Công chức Tài chính-kế toán; các ban ngành, đoàn thể xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận: - Phòng TC-KH huyện; - TT ĐU, TT HĐND xã; - CT, PCT UBND xã; - Như điều 3; - Lưu: VP.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Xuân Thoảng**

UBND XÃ NGỌC KỲ **Biểu số 113/CK TC-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

ĐVT: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**11.769.809**	**3.106.621**	**26,39%**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	65.000	9.501	14,62%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	6.749.000	14.454	0,21%
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.955.809	2.963.809	59,80%
	- Thu bổ sung cân đối	4.192.000	*2.200.000*	*52,48%*
	- Thu bổ sung có mục tiêu	763.809	*763.809*	*100,00%*
4	Thu chuyển nguồn		118.857	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**11.769.809**	**2.507.091**	**21,30%**
1	Chi đầu tư phát triển	7.150.000		
2	Chi thường xuyên	4.619.809	2.507.091	54,27%

UBND XÃ NGỌC KỲ

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

ĐVT: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**11.769.809**	**11.769.809**	**3.106.621**	**3.106.621**	**26,39%**	**26,39%**
I	**Các khoản thu 100%**	**65.000**	**65.000**	**9.501**	**9.501**	**14,62%**	**14,62%**
1	Thu phí, lệ phí	20.000	20.000	8.751	8.751	43,76%	43,76%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	25.000	25.000				
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác			750	750		
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	20.000	20.000				
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**6.749.000**	**6.749.000**	**14.454**	**14.454**	**0,21%**	**0,21%**
1	Các khoản thu phân chia	43.000	43.000	10.338	10.338	24,04%	24,04%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	*20.000*	20.000				
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	*3.000*	3.000	*1.100*	*1.100*	*36,67%*	*36,67%*
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	*20.000*	20.000	9.238	9.238	*46,19%*	*46,19%*
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	6.000	6.000	4.116	4.116	68,60%	68,60%
	- Thuế thu nhập cá nhân	*2.000*	3.000	1.852	1.852	*92,60%*	*61,73%*
	- Thuế giá trị gia tăng	*4.000*	4.000	2.264	2.264	*56,60%*	*56,60%*
3	Thu tiền sử dụng đất	6.700.000	6.700.000				
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**118.857**	**118.857**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.955.809**	**4.955.809**	**2.963.809**	**2.963.809**	**59,80%**	**59,80%**
	- Thu bổ sung cân đối	4.192.000	4.192.000	2.200.000	2.200.000	52,48%	52,48%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	763.809	763.809	763.809	763.809	100,00%	100,00%

UBND XÃ NGỌC KỲ

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

ĐVT: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**11.769.809**	**7.150.000**	**4.619.809**	**2.507.091**		**2.507.091**	**21,30%**		**54,27%**
	Trong đó:									
1	Chi xây dựng cơ bản	6.700.000	6.700.000							
2	Chi di chuyển đường điện	450.000	450.000							
3	Chi dân quân tự vệ	323.298		323.298	199.923		199.923	61,84%		61,84%
4	Chi an ninh trật tự	202.082		202.082	84.000		84.000	41,57%		41,57%
5	Chi SN văn hóa, thông tin	40.000		40.000	31.270		31.270	78,18%		78,18%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	59.860		59.860	24.616		24.616	41,12%		41,12%
7	Chi thể dục thể thao	30.000		30.000	27.450		27.450	92%		92%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	76.409		76.409	41.409		41.409	54,19%		54,19%
9	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	3.481.516		3.481.516	1.971.465		1.971.465	56,63%		56,63%
10	Chi sự nghiệp xã hội	172.376		172.376	81.088		81.088	47,04%		47,04%
11	Chi hỗ trợ các tổ chức CTXH	89.268		89.268	45.870		45.870	51,38%		51,38%
12	Chi dự phòng	86.000		86.000						
13	Chi tiết kiệm chi TX 10%	59.000		59.000						
14	Chi chuyển nguồn									